

Phụ lục I

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA
BÀN XÃ THIÊN TÂN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: 244/KH-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Thiên Tân)

Đơn vị tính: Lượt người

STT	các thôn	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng giai đoạn 2026-2030
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Dân Tiến	20	20	20	20	20	100
2	Làng Trang	20	20	20	20	20	100
3	Quyết Tiến	20	20	20	20	20	100
4	Đá Mài	20	20	20	20	20	100
5	Tân Lập	20	20	20	20	20	100
6	Hợp Thành	20	20	20	20	20	100
7	Thống Nhất	20	20	20	20	20	100
8	Điện	20	20	20	20	20	100
9	Đoàn Kết	20	20	20	20	20	100
10	Lay	20	20	20	20	20	100
11	Đồng Tiến	20	20	20	20	20	100
12	Làng Cà	20	20	20	20	20	100
13	Làng Gia	20	20	20	20	20	100
14	Mỏ Ấm	20	20	20	20	20	100
Tổng cộng		280	280	280	280	280	1.400

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN ĐỂ HÌNH THÀNH
LỰC LƯỢNG NÔNG DÂN SỐ, NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP
VÀ CÁN BỘ QUẢN TRỊ HỢP TÁC XÃ HIỆN ĐẠI
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THIỆN TÂN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Kế hoạch số: 244/KH-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Thiện Tân)

Đơn vị tính: Lượt người

STT	Các xã, phường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng giai đoạn 2026-2030
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Dân Tiến	15	15	15	15	15	75
2	Làng Trang	20	20	20	20	20	100
3	Quyết Tiến	15	15	15	15	15	75
4	Đá Mài	18	18	18	18	18	90
5	Tân Lập	15	15	15	15	15	75
6	Hợp Thành	20	20	20	20	20	100
7	Thống Nhất	18	18	18	18	18	90
8	Điện	18	18	18	18	18	90
9	Đoàn Kết	20	20	20	20	20	100
10	Lay	15	15	15	15	15	75
11	Đồng Tiến	20	20	20	20	20	100
12	Làng Cà	15	15	15	15	15	75
13	Làng Gia	15	15	15	15	15	75
14	Mỏ Ấm	20	20	20	20	20	100
Tổng cộng		244	244	244	244	244	1.220